

Bản án số: 306/2018/HS-PT

Ngày 13 - 06 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên;

Bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2017/HSPT ngày 24 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo Phú Minh H và Đặng Thị Thu H1; Do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1/ Phú Minh H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; sinh ngày 16 tháng 5 năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: 9/23 ADL, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: nhân viên Ngân hàng Agribank chi nhánh MTB; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Cha: Phú Văn H2, sinh năm 1956; Mẹ: Đoàn Thị Lệ Th, sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/01/2015 (có mặt).

2/ Đặng Thị Thu H1; Giới tính: Nữ ; Tên gọi khác: không; sinh ngày 09 tháng 11 năm 1974, tại Bắc Thái; HKTT: 64 TT, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở : 7B/105/21 TT, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch HH; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Cha: Đặng Bá Nh, sinh năm 1945; Mẹ: Đặng Thị Đ, sinh năm 1949; Chồng: Trần Lê G, sinh năm 1977; Con: Trần Đặng Minh Q, sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phú Minh H:*

1/ Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Th1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Luật sư Võ Đan M - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Thu H1:* Luật sư Nguyễn Văn Đ1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh trung tâm SG (Agribank chi nhánh trung tâm SG).

Địa chỉ: 28 MTB, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ngân hàng: Bà Võ Kim Th2; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch HH, Agribank chi nhánh trung tâm SG (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh trung tâm SG:* Luật sư Nguyễn Minh Ch - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Thanh Ngh, sinh năm 1974 (có mặt).

Trú tại: 33 Rue Nationale – 75013, Paris, Pháp.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Dương Thanh Ngh: Ông Dương Thanh T, sinh năm 1933 (có mặt).

Trú tại: Số 221/1 LD, khu phố 3, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ngoài ra trong vụ án còn có 09 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Dầu tư Địa ốc NV, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB; bà Lê Thị N Tr, ông Lê Anh T1, bà Phạm Thị Bích Th3, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, bà Nguyễn Tường V và bà Bùi Thị Thanh Th4 không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/01/2015, Chi nhánh MTB gửi đơn trình báo về việc: Lúc 09 giờ 30 sáng ngày 30/01/2015, Nguyễn Lê Kiều Q1 - Giám đốc Phòng giao dịch HH, trực thuộc Chi nhánh MTB, trong quá trình tham gia điều tiền 17 tỷ đồng từ Hội sở Chi nhánh MTB về Phòng giao dịch HH, đã chiếm đoạt số tiền trên và bỏ trốn. Kết quả điều tra cụ thể như sau:

Chiều ngày 29/01/2015, Phú Minh H - nhân viên tín dụng của Phòng giao dịch HH được Đặng Thị Thu H1 - Phó Giám đốc Phòng giao dịch HH thông báo là ngày 30/01/2015 đi cùng với Nguyễn Lê Kiều Q1 - Giám đốc Phòng giao dịch HH lên Chi nhánh MTB, để nhận tiền và giao dịch với khách hàng. Đồng thời H1 giao cho H giấy đề nghị tiếp quỹ chưa ghi số tiền, người đề nghị là Nguyễn Thị Thanh H4 - Giao dịch viên Phòng giao dịch HH, người nhận tiền là Phú

Minh H, có sẵn chữ ký của Nguyễn Thị Thanh H4 và Nguyễn Lê Kiều Q1. H đã cầm giấy đề nghị tiếp quỹ về nhà để hôm sau đi thẳng lên Chi nhánh MTB nhận tiền.

Khoảng 7 giờ 40 ngày 30/01/2015, Phú Minh H đến Chi nhánh MTB để tiến hành làm thủ tục nhận tiền, khoảng 30 phút sau thì Nguyễn Lê Kiều Q1 đến và yêu cầu H ghi vào Giấy đề nghị tiếp quỹ nội dung số tiền tiếp quỹ là 17.000.000.000đ, người nhận là Phú Minh H, đồng thời thông báo cho H biết lát nữa sẽ đi qua Ngân hàng Shinhanbank, địa chỉ 138-142 đường HBT, phường ĐK, Quận 1, để giao dịch với khách hàng.

Tại Chi nhánh, H nộp giấy đề nghị tiếp quỹ cho chị Trần Thị Tuyết H5, thủ quỹ Chi nhánh, để làm thủ tục rút tiền. H5 đã soạn lệnh điều chuyển kiêm giấy ủy quyền áp tải hàng đặc biệt vào ngày 30/01/2015, với nội dung điều chuyển số tiền 17 tỷ đồng đi từ chi nhánh MTB đến phòng giao dịch HH; phương tiện vận chuyển: xe biển số 57K-3743, thời gian vận chuyển: trong ngày 30/01/2015; thành phần tổ điều chuyển gồm: Phú Minh H là tổ trưởng, ông Nguyễn Đình C là lái xe, ông Phạm Văn Ch1 là bảo vệ.

Sau khi nhận tiền, mặc dù không phải là thành viên tổ chuyển tiền, nhưng với vai trò là Giám đốc Phòng giao dịch, Nguyễn Lê Kiều Q1 yêu cầu Phú Minh H xuống dưới nhà xe, lấy 2 cái túi để sẵn trên xe máy của Q1, mang lên để lấy tiền, chứ không sử dụng túi chuyên dụng có sẵn của Ngân hàng. H đã làm theo lời Q1, bỏ tiền vào 2 túi xách đựng tiền, bỏ vào thùng xe phía sau. Sau đó, Q1 kêu H tự đi xe máy quay về lại Phòng giao dịch HH, Q1 sẽ đem tiền này qua Ngân hàng Shinhanbank để giao dịch khách hàng, sau đó Q1 tiếp tục yêu cầu tài xế xe là Nguyễn Đình C điều khiển xe đến Ngân hàng Shinhanbank. Tại đây, Nguyễn Lê Kiều Q1 xuống xe lấy 02 túi tiền, đi vào trong sảnh chờ nhưng không thực hiện giao dịch gì mà sau đó đã chiếm đoạt số tiền trên và bỏ trốn.

Tại Cơ quan điều tra, Phú Minh H đã thừa nhận đã nhiều lần thực hiện hoạt động áp tải tiền từ Chi nhánh về Phòng giao dịch HH, Hòa nắm vững các quy định, quy trình về áp tải tiền. Vào ngày 30/01/2015, Hòa đã cố ý làm trái các quy định, quy trình áp tải tiền như: để Nguyễn Lê Kiều Q1 tham gia áp tải tiền, sử dụng túi đựng tiền riêng của Q1, chỉ đạo xe áp tải tiền đi sai tuyến, không trực tiếp đi áp tải tiền theo nhiệm vụ được giao... dẫn đến việc Q1 lợi dụng chiếm đoạt 17 tỷ đồng. Tuy nhiên giữa Q1 và H không có thỏa thuận, bàn bạc, trao đổi gì và H không được chia tiền hoặc hưởng lợi ích gì khác.

- Nguyễn Đình C khai: Vào khoảng 8 giờ sáng ngày 30/01/2015, C nhận được điện thoại của Phú Minh H xin xe để khoảng 10 giờ đi điều tiền từ hội sở Chi nhánh MTB đến Ngân hàng Shinhanbank. Đến khoảng 09 giờ, khi C đang chuẩn bị đi điều tiền theo lịch cố định tuần thì Phú Minh H cũng làm thủ tục nhận tiền xong và xin cho đi chung. C thấy H và Q1 đang xách túi tiền ra, nên đã dừng xe, mở két đựng tiền phía sau để cho H đưa tiền vào. Sau khi đưa tiền vào két, H nói là chỉ có Q1 đi điều tiền, H không đi theo và đưa cho C Lệnh điều chuyển ngày 30/01/2015. Lúc đầu, C định đến điểm giao dịch PĐC trước, nhưng do Q1 yêu cầu cho đến Ngân hàng Shinhanbank trước vì đã hẹn khách lúc 07 giờ 30, Q1 chỉ đạo C cho xe đi điều tiền tại các điểm giao dịch khác, khi nào

giao dịch xong Q1 sẽ gọi để chờ về Chi nhánh MTB.

Khi đến Ngân hàng Shinhanbank, C và ông Ch1 cùng Nguyễn Lê Kiều Q1 xuống xe mở két để Q1 lấy 02 túi tiền. Chờ Q1 vào trong sảnh, C mới lên xe đi điều tiền đến các điểm giao dịch còn lại. Sau khi điều tiền xong, C đưa xe về lại Chi nhánh MTB chờ, tuy nhiên không thấy Q1 gọi. Đến 16 giờ 45 chiều cùng ngày, C được Ban giám đốc Chi nhánh MTB thông báo về việc Nguyễn Lê Kiều Q1 đã chiếm đoạt số tiền 17 tỷ đồng trong quá trình điều tiền. Khi đó, C mới kiểm tra Lệnh điều tiền và biết tổ trưởng phụ trách điều tiền là Phú Minh H, điểm đến là Phòng giao dịch HH. Nguyễn Đình C khai do tin tưởng vào Nguyễn Lê Kiều Q1, Phú Minh H, nên không xem lệnh điều tiền mà chỉ làm theo lời của Q1. Đồng thời trong quá trình công tác, việc thực hiện điều tiền đều có nhân viên ngân hàng đi theo, phụ trách việc giao nhận tiền, nên C tin tưởng và làm theo lời của người tham gia điều tiền, còn lệnh điều tiền chỉ sử dụng để làm thủ tục thanh toán xăng dầu cuối tháng.

- Phạm Văn Ch1 khai: có nhiệm vụ làm công tác bảo vệ, vào khoảng 09 giờ sáng ngày 30/01/2015, Ch1 đang đứng đợi ở xe đi điều tiền cùng với Nguyễn Đình C thì Phú Minh H cùng với Nguyễn Lê Kiều Q1, mỗi người xách 1 túi du lịch đựng tiền đưa từ trụ sở Chi nhánh MTB ra xe để đi điều tiền. Sau khi đưa tiền vào két trong xe, Q1 cùng lên xe để đi điều tiền, còn H quay vào trong ngân hàng. Khi lên xe, Q1 nói với tài xế cho đi đến Ngân hàng Shinhanbank trước để giao dịch.

Khi xe tới ngân hàng Shinhanbank, Ch1 xuống xe, chứng kiến Q1 và C mở két lấy 2 túi tiền, sau đó đi cùng với Q1 vào đến sảnh tòa nhà. Khi Q1 đã vào trong sảnh, ra hiệu cho Ch1 quay trở ra, Ch1 đã ra xe để tiếp tục đi đến những điểm điều tiền khác. Sau khi thực hiện điều tiền xong, theo xe về Chi nhánh MTB.

- Đặng Thị Thu H1 khai: Vào ngày 29/01/2015, Nguyễn Lê Kiều Q1 gọi điện thoại xuống cho H1 nói là Q1 đã xin tiếp quỹ Chi nhánh MTB 34.000.000.000 đồng và 400.000 EUR, kêu H1 báo lại với thủ quỹ chi nhánh chuẩn bị tiền để sáng hôm sau đi lấy. Do thấy số tiền quá lớn, H1 hỏi thì Q1 nói khách hàng Dương Thanh Ngh sẽ chuyển khoản tiền về, rút tiền và đổi tiền ra ngoại tệ USD để gửi tiết kiệm, đồng thời lấy 400.000 EUR từ sổ tiết kiệm ra để đổi tiền USD gửi tiết kiệm. Vì vậy phải tiếp quỹ điều số tiền nói trên để Q1 đổi số tiền 34.000.000.000đ ra tiền ngoại tệ USD để giao dịch với khách hàng. Sau khi trao đổi thấy H1 không chịu điều số tiền trên, Q1 đã chỉ đạo H1 ngày 30/01/2015 lấy trước 17.000.000.000đ, số tiền còn lại sẽ lấy vào ngày thứ hai.

H1 đã phân công Phú Minh H đi thực hiện điều tiền, còn Q1 đi theo để tiến hành giao dịch, đổi tiền sang ngoại tệ USD (do việc giao dịch với khách hàng Dương Thanh Ngh do Q1 thực hiện toàn bộ, nên Q1 phải đi theo để thực hiện giao dịch khi cần). H1 có gọi điện thoại báo cho thủ quỹ và Phó Giám đốc phụ trách kế toán Chi nhánh, báo về việc lấy tiền như trên, đồng thời chỉ đạo Nguyễn Thị Thanh H4 - thủ quỹ Phòng giao dịch làm trước Giấy đề nghị tiếp quỹ, giao cho nhân viên Phú Minh H để ngày mai cầm đến Chi nhánh MTB lấy tiền.

Ngày 30/01/2015, trong khoảng thời gian 08 giờ 30 và 11 giờ, Nguyễn Lê Kiều Q1 gọi điện thoại về Phòng giao dịch HH hỏi tỷ giá EUR và lãi suất USD. Đến khoảng 14 giờ chiều, Q1 gọi về cho Nguyễn Thị Thanh H4 báo đến khoảng 16 giờ chiều mới có ngoại tệ về tại hội sở và nói máy sắp hết pin. Lúc đó H1 liền gọi lại ngay cho Q1 nhưng từ đó không còn liên lạc được với Q1 nữa.

- Bà Trương Thị Ánh T2 - Phó giám đốc Chi nhánh MTB, và Trần Thị Tuyết H5 - thủ quỹ Chi nhánh, khai: khoảng 08 giờ sáng ngày 30/01/2015, Phú Minh H mang Giấy đề nghị tiếp quỹ với số tiền 17 tỷ đồng. Sau khi kiểm tra thấy lập đúng quy định, đồng thời trước đó Đặng Thị Thu H1, Phó giám đốc Phòng giao dịch HH báo cho bà T2 biết trước là Phòng giao dịch có nhu cầu rút tiền và chi trả cho khách hàng nên bà T2 đã ký duyệt giấy đề nghị tiếp quỹ và lệnh điều tiền theo quy định của Ngân hàng, để Hòa đi nhận tiền từ thủ quỹ Trần Thị Tuyết H5. Khoảng 17 giờ chiều ngày 30/01/2015 thì chi nhánh MTB mới được báo tin Nguyễn Lê Kiều Q1 đã chiếm đoạt 17 tỷ đồng bỏ trốn.

- Nguyễn Thị Thanh H4 khai: Chiều ngày 29/01/2015, Đặng Thị Thu H1 yêu cầu H4 lập giấy đề nghị tiếp quỹ với số tiền là 17 tỷ đồng để sáng ngày 30/01/2015, Phú Minh H điều tiền từ kho quỹ hội sở chi nhánh MTB về phòng giao dịch HH. Theo đó, Hà đã lập giấy đề nghị tiếp quỹ rồi đưa cho H1. H4 không tham gia vào việc điều tiền số tiền 17 tỷ đồng.

- Xác minh tại Ngân hàng Shinhanbank (địa chỉ: 138-142 HBT, phường ĐK, Quận 1) được biết: Vào ngày 30/01/2015, Nguyễn Lê Kiều Q1 không có tiến hành giao dịch nào tại Ngân hàng Shinhanbank, từ trước đến nay Q1 cũng không mở tài khoản và giao dịch tại Ngân hàng Shinhanbank.

Như vậy: Phú Minh H là nhân viên tín dụng Phòng giao dịch HH được giao nhiệm vụ áp tải tiền từ Chi nhánh MTB về Phòng giao dịch HH nhưng đã để Nguyễn Lê Kiều Q1 tham gia áp tải tiền, sử dụng túi đựng tiền riêng của Q1, chỉ đạo xe áp tải tiền đi sai tuyến, không trực tiếp đi áp tải tiền theo nhiệm vụ được giao... dẫn đến Nguyễn Lê Kiều Q1 chiếm đoạt số tiền 17 tỷ đồng của ngân hàng. Phú Minh H đã cố ý làm trái các quy định số 7088/NHNo-TCKT ngày 20/10/2014 về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống Agribank.

Trong thời gian từ năm 2006 đến tháng 3/2014, Ngân hàng Agribank đang thực hiện Chương trình giao dịch 1 cửa, theo quy định tại văn bản số 4270/NHNo- TTTT ngày 01/12/2006, và Quyết định số 666/QĐ-HĐQT-TDHo ngày 15/6/2010, về việc ban hành Quy định cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Trong đó tại Khoản 3 Điều 17 đối với khoản vay thuộc thẩm quyền phê duyệt của chi nhánh và phòng giao dịch quy định:

“Cán bộ tín dụng được phân công giao dịch với khách hàng có nhu cầu vay vốn có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn, căn cứ kết quả chấm điểm xếp hạng tín dụng tiến hành thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định.

Trường hợp khoản vay thuộc quyền phán quyết theo phân cấp của cán bộ

tín dụng/Trưởng phòng tín dụng hoặc phòng kế hoạch, kinh doanh: Cán bộ tín dụng/Trưởng phòng trực tiếp phê duyệt khoản vay và ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo tiền vay (theo ủy quyền nếu có)”.

Đối với trường hợp giao dịch một cửa: theo văn bản số 4270/NHNo- TTTT ký ngày 01/12/2006 “*V/v Quy định giao dịch một cửa trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam*”, tại Điều 2 quy định: “Giao dịch 1 cửa là giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đối với khách hàng, theo đó khách hàng chỉ cần giao dịch với một nhân viên để hoàn tất giao dịch theo yêu cầu.

Giao dịch viên là cán bộ, nhân viên thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam trực tiếp giao dịch với khách hàng, chịu trách nhiệm giải quyết nhu cầu của khách hàng theo nhiệm vụ được phân công trong việc lập, kiểm soát và phê duyệt chứng từ giao dịch”.

+ Việc phân công nhiệm vụ cán bộ tín dụng tại Phòng giao dịch HH trực thuộc Chi nhánh MTB được thực hiện theo văn bản số 640/ QĐ/HĐQT/TCCB của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam ký ngày 23/5/2008 “*V/v ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Phòng giao dịch thuộc sở giao dịch, chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam*”. Tại điều 14: Nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm của giám đốc phòng giao dịch, trong đó:

“Khoản 12: Giám đốc Phòng giao dịch phân công nhiệm vụ, ủy quyền bằng văn bản cho Phó giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của mình và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền đó.

Khoản 13: Cụ thể hóa nhiệm vụ của Phòng giao dịch và giao việc đến từng cán bộ, kiểm tra đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cán bộ được giao.”

Theo đó: hoạt động tín dụng của Phòng giao dịch HH do Giám đốc - Nguyễn Lê Kiều Q1 và Cán bộ tín dụng - Phú Minh H thực hiện toàn bộ. Cán bộ tín dụng trực tiếp nhận tiền từ quỹ và chi cho khách hàng, không Th6 qua bộ phận nào khác.

Từ ngày 01/4/2014, Ngân hàng Agribank thực hiện quy trình mới theo Quyết định số 149/QĐ-HĐTV-TCKT ngày 28/02/2014 về quy định tổ chức giao dịch với khách hàng và Quyết định số 311/QĐ-NHNNo-TCKT ngày 27/3/2014 về quy định luân chuyển, xử lý chứng từ hạch toán kế toán trong hệ thống Agribank. Theo đó, Đặng Thị Thu H1 - Phó Giám đốc phụ trách kế toán, được phân công chuyên trách làm kiểm soát: kiểm tra hồ sơ tín dụng, xác nhận lại giao dịch vào cuối ngày (việc kiểm soát giao dịch trên hệ thống là do Q1 - Giám đốc thực hiện). Kế toán (Phạm Thị Thanh Hà) có nhiệm vụ hạch toán trên hệ thống IPCAS của Ngân hàng Agribank đối với các nghiệp vụ phát sinh như giải ngân, thu nợ, nhập kho, xuất kho. Thủ quỹ (Nguyễn Hoàng Thanh Tr1) thực hiện mọi giao dịch thu - chi tiền mặt theo giấy lĩnh tiền mặt, giấy nộp tiền mặt và lệnh của giao dịch viên trên hệ thống. Đồng thời thủ quỹ thực hiện việc cất giữ, bảo quản các tài sản thế chấp, cầm cố, do giao dịch viên giao cho (có làm phiếu nhập kho).

Lợi dụng chức danh là Giám đốc Phòng giao dịch HH, phụ trách mọi hoạt động tín dụng giao dịch tại Phòng giao dịch, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã tiến hành lập, chỉ đạo Phú Minh H lập khống nhiều hồ sơ tín dụng vay vốn sau đó sử dụng để giải ngân, rút tiền của Ngân hàng Agribank, chiếm đoạt cá nhân. Cụ thể các hợp đồng tín dụng sau:

** Hành vi tham ô tài sản của Nguyễn Lê Kiều Q1 và Phú Minh H:*

1. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201100378 ngày 28/6/2011:* Q1 đưa cho H thông tin của người vay là Nguyễn Thị Minh H6, số tiền vay là 950 triệu đồng, thông tin tài sản thế chấp và sổ đỏ bất động sản số Y749938 do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004 (sổ đỏ trên hiện ngân hàng đang giữ ở PGD HH). Q1 chỉ đạo H lập giấy đề nghị vay vốn, phương án vay vốn, báo cáo thẩm định, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, biên bản định giá. Theo đó H đã lập các chứng từ: phương án vay vốn ngày 20/6/2011, trong đó H tự đưa nội dung vay vốn là để mua căn nhà tại số 9/23 ADL, Phường 3, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh (là nhà của Phú Minh H); Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 20/6/2011, xác định giá trị tài sản thế chấp là 2.114.000.000đ (giá trị tài sản nói trên do H tự tham khảo trên mạng internet và tự đưa vào), cùng các tài liệu thủ tục khác. Lập xong H ký tên cán bộ tín dụng, giao hồ sơ cho Q1 để ký hoàn thiện hồ sơ rồi giao lại cho H. Sau đó H thực hiện giải ngân trên hệ thống IPCAS, để Q1 tự tiến hành rút tiền mặt, bằng cách lập khống giấy nhận tiền mang tên Nguyễn Thị Minh H6. Hồ sơ này hiện đã được tất toán xong nên không gây thiệt hại.

2. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201200426 ngày 14/8/2012:* Người vay là Nguyễn Thị Minh H6, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, hồ sơ này được thực hiện tương tự như hồ sơ nói trên. Sau khi lập hồ sơ theo chỉ đạo của Q1, H ký tên cán bộ tín dụng, giao lại cho Q1 ký hoàn chỉnh hồ sơ rồi đưa lại H để thực hiện giải ngân trên hệ thống. Sau đó Q1 tự tiến hành rút tiền mặt số tiền 1.000.000.000 đồng bằng cách lập khống phiếu nhận tiền mặt.

- Xác minh tại nơi cư trú theo thông tin trên hồ sơ tín dụng, kết quả được biết: tại địa chỉ: 11.06 M1 TTT, Phường 1, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, không có ai tên là Nguyễn Thị Minh H6, CMND số 191439022, cư ngụ tại đây.

- Qua xác minh tàng thư căn cước, xác định CMND số 191439022 là của người tên Nguyễn Quốc Th5.

3. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201200120 ngày 28/3/2012:* Q1 đưa cho H thông tin người vay Nguyễn Thị Quỳnh L, số tiền vay 01 tỷ đồng, thông tin tài sản thế chấp và bản chính sổ đỏ (giấy chứng nhận QSD đất) số Y749836, do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004, và nói với H giá trị tài sản này là 3.411.000.000đ. Theo đó, H đã lập hồ sơ vay vốn theo chỉ đạo của Q1, trong đó: phương án vay vốn H tự đưa nội dung để mua căn nhà tại địa chỉ 9/23 ADL, Phường 3, Quận 8; xác định giá trị tài sản đảm bảo là 3.411.000.000đ (theo giá Q1 đưa). H tiến hành giải ngân trên hệ thống và Q1 tự rút tiền mặt bằng cách lập khống phiếu nhận tiền mặt.

4. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201200424 ngày 14/8/2012:* Q1 đưa cho H thông tin người vay là Nguyễn Quang L1, số tiền vay 01 tỷ đồng, thông tin tài

sản thế chấp và bản chính sổ đỏ (giấy chứng nhận QSD đất) số 162 QSDĐ do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004 và nói giá trị tài sản là 8.160.000.000đ. Theo đó, H đã lập hồ sơ vay vốn không, trong đó nội dung vay vốn H tự đưa nội dung để mua căn nhà tại địa chỉ số 22 Đường 23, phường TQ, Quận 7, TP.HCM (là nhà cũ của gia đình H), giá trị tài sản đảm bảo là 8.160.000.000đ theo giá Q1 đưa. Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, H tiến hành giải ngân trên hệ thống và Q1 tự rút tiền mặt bằng cách lập không phiếu nhận tiền mặt.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên của ông Nguyễn Quang L1 trên các hồ sơ, chứng từ của ngân hàng, kết quả xác định: Chữ ký mang tên “Nguyễn Quang L1” trên các tài liệu cần giám định Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/8/2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 26/8/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 23/8/2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 27/8/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/8/2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo năm 2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo năm 2013; Hợp đồng thế chấp tài sản năm 2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 02/4/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/4/2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 03/4/2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 05/4/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21/9/2012; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 20/9/2012; Giấy đề nghị vay vốn ngày 06/8/2012; Phương án vay vốn ngày 06/8/2012; Hợp đồng tín dụng ngày 14/8/2012; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 07/08/2012; Phụ lục hợp đồng ngày 09/5/2012; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 20/9/2012; Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản ngày 28/3/2012; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 20/3/2012 (đã nêu ở mục 2.1) *khác dạng chuyển động* với chữ ký của Nguyễn Quang L1, Chữ viết họ tên “Nguyễn Quang L1” trên các tài liệu này *không phải chữ viết* của Nguyễn Quang L1.

- Ông Nguyễn Quang L1, là bố ruột của Nguyễn Lê Kiều Q1, khai không đứng tên vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201200424 ngày 14/08/2012. Từ trước đến nay ông L1 không có vay vốn, giao dịch tại Ngân hàng Agribank, không lập hay ký tên trên các tài liệu, hồ sơ vay vốn cũng như không có thế chấp tài sản để vay vốn.

Đối với các tài sản dùng để thế chấp vay vốn đứng tên Nguyễn Quang L1 là chủ tài sản:

+ Bất động sản tại số 37 NTT, TD, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông L1 không có sở hữu bất động sản này mà chỉ có ngôi nhà ở tại địa chỉ: 35 NTT, P. TD, TX, HT, T. Thừa Thiên Huế, nhưng không thế chấp ngôi nhà này để vay vốn.

+ Bất động sản tại Thôn 5, xã TD, huyện HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 162QSDĐ do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004: Lô đất trên ông L1 và vợ (là bà Nguyễn Thị Minh H6) đã bán vào khoảng thời gian năm 2011, chứ không thế chấp cho Phòng giao dịch HH;

+ Bất động sản tại Thôn 5, xã TD, huyện HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số Y749938 do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004,

do vợ ông L1 là bà Nguyễn Thị Minh H6 đứng tên. Tuy nhiên bà H6 không thể chấp cho Phòng giao dịch HH.

5. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201201339* (số ghi trên hợp đồng tín dụng giấy là 1900LAV201200494 ngày 21/9/2012): hồ sơ này được thực hiện tương tự như hồ sơ tín dụng ở trên, tài sản thế chấp cũng là sổ đỏ số 162QSDĐ do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004. Thông tin người vay do Q1 đưa là Nguyễn Hoàng L2, chỗ ở: số 6/12A NHT, Phường 6, Q. BT, vay số tiền 1.500.000.000đ. H đã lập hồ sơ vay vốn không cho Q1, trong đó phương án vay vốn do H tự đưa vào là mua nhà số 9/23 ADL, Phường 3, Quận 8. Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, H tiến hành giải ngân trên hệ thống và Q1 tự rút tiền mặt, bằng cách lập không phiếu nhận tiền mặt.

Qua xác minh tàng thư căn cước, xác định CMND số 191521761 tên Nguyễn Hoàng L2, thực chất là CMND của Lê Nguyễn Hoàng L2 (em ruột của Lê Thị N Tr).

6. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300095 ngày 05/3/2013*: Q1 đưa thông tin cho H1 người vay vốn là Nguyễn Văn D, chỗ ở: số 6/12A NHT, phường 6, quận BT, số tiền vay 1 tỷ đồng, tài sản thế chấp cũng là sổ đỏ số 162QSDĐ do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004. Theo đó H đã lập hợp đồng tín dụng, biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 05/4/2013, hợp đồng thế chấp ngày 05/4/2013 (H không lập giấy đề nghị vay vốn, phương án vay vốn). Sau khi lập, H đưa hồ sơ cho Q1 ký hoàn chỉnh rồi tiến hành giải ngân trên hệ thống và Q1 tự rút tiền mặt, bằng cách lập không phiếu nhận tiền mặt.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra cho Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành xác minh, ghi lời khai đối với những người đứng tên trên các hợp đồng vay vốn không cho Nguyễn Lê Kiều Q1. Kết quả: ông Nguyễn Văn D không có cư trú tại TP. Hồ Chí Minh và từ trước đến nay không tiến hành lập hồ sơ tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Agribank.

7. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300149 ngày 05/4/2013*: Q1 đưa cho H thông tin người vay vốn là Lê Thị H7, chỗ ở: số 6/12A NHT, phường 6, quận BT, số tiền vay 1 tỷ đồng, tài sản thế chấp cũng là sổ đỏ số 162QSDĐ do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004. Theo đó Hòa đã lập bộ hồ sơ vay vốn đầy đủ giao cho Q1. Sau đó, Q1 đưa lại cho H bộ hồ sơ đã có chữ ký của Q1 và chủ tài sản thế chấp (Nguyễn Quang L1), chưa có chữ ký của người vay vốn và Q1 nói sẽ bổ sung sau. H đã tiến hành giải ngân trên hệ thống để cho Q1 tự rút tiền mặt, bằng cách lập không phiếu nhận tiền mặt.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra cho Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành xác minh, ghi lời khai đối với những người đứng tên trên các hợp đồng vay vốn không cho Nguyễn Lê Kiều Q1. Kết quả xác định: bà Lê Thị H7 cư trú tại huyện PĐ, tỉnh TT Huế tới 31/3/2015 thì kết hôn và chuyển tới sống tại nhà chồng tại xã DL, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa. Từ trước đến nay không có cư trú tại TP. Hồ Chí Minh.

8. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV2013114 ngày 18/3/2013*: Q1 đưa thông tin cho H người vay vốn là Lê Thị N Tr, số tiền vay 850.000.000 đồng, tài sản

thể chấp là Sổ chứng nhận sở hữu cổ phiếu (số lượng 47.970 cổ phiếu phổ thông Ngân hàng Đông Á, chủ sở hữu Lê Thị N Tr) bản chính (hiện đang cất giữ tại Ngân hàng Agribank-PGD HH). Theo đó H đã lập bộ hồ sơ vay vốn đầy đủ, ký tên ở phần cán bộ tín dụng giao cho Q1 ký hoàn chỉnh. Sau đó, Q1 đưa lại cho H bộ hồ sơ hoàn chỉnh, H tiến hành giải ngân trên hệ thống và Q1 tự rút tiền mặt, bằng cách lập khống phiếu nhận tiền mặt.

- Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên của bà Lê Thị N Tr trên các hồ sơ, chứng từ của ngân hàng, kết quả xác định: Chữ ký họ tên “Lê Thị N Tr” trên các tài liệu cần giám định Giấy đề nghị vay vốn ngày 11/3/2013; Phương án vay vốn ngày 11/3/2013; Hợp đồng tín dụng ngày 18/3/2013; Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 18/3/2013; Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo ngày 18/03/2013 khác dạng chuyển động với chữ ký của Lê Thị N Tr. Chữ viết họ tên “Lê Thị N Tr” trên các tài liệu này không phải do cùng một người viết ra.

- Lê Thị N Tr (vợ của Nguyễn Lê Kiều Q1) khai không đứng tên vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300114 ngày 18/3/2013. Từ trước đến nay cũng không có làm hồ sơ tín dụng vay tiền từ ngân hàng Agribank và không ký trên bất kỳ hồ sơ, giấy tờ tài liệu gì để vay tiền ngân hàng.

- Đối với số cổ phiếu của Lê Thị N Tr, Nguyễn Lê Kiều Q1 tại Ngân hàng TMCP Đông Á, qua xác minh: có 47.970 cổ phiếu chủ sở hữu là Lê Thị N Tr và 60.000 cổ phiếu chủ sở hữu là Nguyễn Lê Kiều Q1, được dùng làm tài sản tín chấp cho hợp đồng vay thấu chi thẻ, trong thời gian tháng 10/2009 và tháng 6/2010, thời hạn 12 tháng. Do chưa thanh toán tiền thấu chi quá hạn nên đã bị phong tỏa cổ phiếu nhằm ngăn chặn giao dịch cầm cố để vay tại các tổ chức tín dụng khác hoặc giao dịch, chuyển nhượng đối với số cổ phần nói trên.

9. *Hồ sơ vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300150 ngày 05/4/2013:* Q1 đưa thông tin cho Hòa người vay vốn là Lê Độ Ch2, chỗ ở: số 6/12A NHT, phường 6, quận BT, số tiền vay là 01 tỷ đồng, tài sản thế chấp sổ đỏ số 162QSDĐ do UBND huyện HT cấp ngày 06/8/2004. Theo đó H đã lập bộ hồ sơ vay vốn khống giao cho Q1. Sau đó Q1 đưa lại cho H bộ hồ sơ đã có chữ ký của Q1 và chủ tài sản thế chấp là Nguyễn Quang L1, chưa có chữ ký của người vay vốn. H tiến hành giải ngân trên hệ thống để Q1 tự rút tiền mặt bằng cách lập khống phiếu nhận tiền mặt.

- Qua xác minh: Lê Độ Ch2 là bố ruột của Lê Thị N Tr, từ trước đến nay sinh sống tại địa chỉ số 12 NTT, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, không có cư ngụ tại địa chỉ số 6/12A NHT, Phường 6, quận BT và cũng không có quan hệ, giao dịch gì tại Phòng giao dịch HH.

Tổng cộng, Phú Minh H đã lập khống hồ sơ tín dụng giúp Nguyễn Lê Kiều Q1 sử dụng rút tiền là 09 bộ hồ sơ, trong đó 01 bộ đã tất toán, còn lại 08 bộ hồ sơ với tổng số tiền là 8.350.000.000đ.

- Tại Cơ quan điều tra, H đã khai nhận hành vi phạm tội: Theo chỉ đạo của Nguyễn Lê Kiều Q1, H đã lập khống nhiều hồ sơ tín dụng cho vay để cho Q1 sử dụng rút tiền, với cách thức tiến hành như sau: Q1 đưa cho H các giấy tờ tài sản

đảm bảo của Q1, thông tin số tiền cần vay và người vay tiền và chỉ đạo H lập các hồ sơ tín dụng cho vay. Sau đó làm thủ tục duyệt giải ngân trên hệ thống IPCAS của ngân hàng, để Q1 lấy tiền. Đối với các hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300149 ngày 5/4/2013, số 1900LAV201300150 và số 1900LAV201200120 ngày 28/3/2012, chưa có chữ ký của khách hàng vay vốn nhưng H đã tiến hành giải ngân trên hệ thống IPCAS để cho Nguyễn Lê Kiều Q1 rút tiền, H khai: sau khi lập hồ sơ, H có giao cho Q1 để ký hoàn chỉnh hồ sơ giao lại cho H để giải ngân. Tuy nhiên, Q1 nói với H là đang cần giải ngân gấp, nhưng chưa kịp ký hoàn chỉnh hồ sơ và yêu cầu H thực hiện giải ngân trước cho Q1 rút tiền, Q1 sẽ bổ sung hồ sơ sau nên H đã làm theo lời của Q1, tiến hành giải ngân trước trên hệ thống để Q1 rút tiền. Sau đó H có nhiều lần nhắc Q1 hoàn chỉnh hồ sơ nhưng Q1 chỉ hứa cho đến nay vẫn chưa hoàn chỉnh hồ sơ.

- Đối với nội dung ghi những tài sản nằm ở phần mục đích vay vốn trên các hợp đồng tín dụng, ông Phú Văn H2 là cha của Phú Minh H và chủ căn nhà tại địa chỉ: 9/23 ADL, Phường 3, Quận 8, khai: Căn nhà này do ông H2 đứng tên làm chủ và sinh sống tại đây cùng gia đình từ năm 1984 đến nay, không giao dịch, mua bán, chuyển nhượng gì. Về việc có một số hợp đồng tín dụng vay vốn với mục đích vay vốn là để mua căn nhà này gồm: Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201200426 ngày 14/8/2012, người vay là Nguyễn Thị Minh H6; số 1900LAV201200494 ngày 21/9/2012, người vay là Nguyễn Hoàng L2; số 1900LAV201300114 ngày 18/3/2013, người vay là Lê Thị N Tr; số 1900LAV201300149 ngày 05/4/2013, người vay là Lê Thị H7; số 1900LAV201300150 ngày 05/4/2013, người vay là Lê Độ Ch2, ông H2 khai không biết gì về việc các hợp đồng tín dụng nêu trên có ghi mục đích vay vốn là mua nhà của mình. Từ trước đến nay những người có tên nêu trên hoàn toàn không có đến liên hệ, thỏa thuận mua nhà.

Đối với căn nhà tại địa chỉ 22 đường số 23, phường TQ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, ông H2 mua vào khoảng tháng 10/2009. Đến tháng 12/2014 ông đã bán căn nhà trên cho ông Thái Bình L3 theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 16/12/2014. Đối với Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201200424 ngày 14/8/2012, người vay là Nguyễn Quang L1 có nội dung vay là mua căn nhà này, ông H2 khai không biết gì về việc hợp đồng tín dụng nêu trên có ghi mục đích vay vốn là mua ngôi nhà này. Trong quá trình sở hữu căn nhà nói trên, không có ai đến liên hệ, thỏa thuận mua nhà với ông H2. Từ trước đến nay, ông H2 không có quan hệ, giao dịch mua bán gì với ông Nguyễn Quang L1.

** Hành vi "Tham ô tài sản" của Nguyễn Lê Kiều Q1 và hành vi "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" của Đặng Thị Thu H1.*

1. Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300512 (số ghi trên hợp đồng giấy: 1900LAV2013.... ngày 29/08/2013), khách hàng Trần Thị S, vay số tiền 01 tỷ đồng, mục đích vay mua nhà số 56/4 THT, Phường 15, Quận 10, TP.HCM. Hợp đồng này do Nguyễn Lê Kiều Q1 lập không. Sau đó Q1 đưa cho Đặng Thị Thu H1 - Phó Giám đốc PGD HH, ký tên ở phần cán bộ tín dụng cho đầy đủ hồ sơ. Hương không tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, mà ký tên vào phần cán bộ

tín dụng ở hồ sơ nói trên đồng thời nhập dữ liệu lên hệ thống trực tuyến thanh toán nội bộ và kế toán khách hàng của NHNo (IPCAS). Sau đó, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã sử dụng bộ hồ sơ này giao cho cán bộ tín dụng là Phạm Thị Bích Th3 tiến hành làm thủ tục giải ngân cho Q1 bằng cách chuyển khoản số tiền 1.000.000.000đ vào tài khoản số 1900201162923 của Lê Thị N Tr, mở tại Ngân hàng Agribank.

- Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên của Trần Thị S trên các hồ sơ, chứng từ của ngân hàng, kết quả xác định: Chữ ký mang tên “Trần Thị S” trên các tài liệu Hợp đồng tín dụng ngày 29/08/2013; Phương án vay vốn ngày 21/8/2013; Giấy đề nghị vay vốn ngày 21/8/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản năm 2013 khác dạng chuyển động với chữ ký của Trần Thị S.

- Bà Phạm Thị Đ2, chủ căn nhà tại địa chỉ 56/4 THT, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh khai: căn nhà này do bà đứng tên làm chủ và sinh sống cùng với chồng từ năm 1967 đến nay. Bà Đ2 không biết gì về việc hợp đồng tín dụng nêu trên có ghi mục đích vay vốn là mua căn nhà trên, không biết bà S, từ trước đến nay không giao dịch, mua bán, chuyển nhượng căn nhà trên. Vào khoảng tháng 7/2013, bà Đ2 có vay số tiền 100.000.000đ của Phú Minh H (vay tiền của cá nhân, có làm giấy tay). Khi vay tiền bà Đ2 có làm giấy tay, thế chấp căn nhà trên để đảm bảo. Đến năm 2014, bà Đ2 đã trả tiền xong và H đã trả lại giấy tờ nhà cho bà (giấy vay tiền sau khi trả tiền đã xé, nên hiện không còn giấy tờ gì). Ngoài ra không có giao dịch gì khác với H.

2. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300513* (số ghi trên hợp đồng giấy: 1900LAV2013.... ngày 27/8/2013), khách hàng Nguyễn Quang Ng, vay số tiền 900 triệu đồng, mục đích vay là mua nhà số 18/60E LVL, xã PK, huyện NB, TP.HCM. Hợp đồng này do Nguyễn Lê Kiều Q1 lập không. Sau đó Q1 đưa cho Đặng Thị Thu H1 - Phó Giám đốc PGD HH, ký tên ở phần cán bộ tín dụng cho đầy đủ hồ sơ. H1 không tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, mà ký tên vào phần cán bộ tín dụng ở hồ sơ nói trên, và nhập dữ liệu lên hệ thống trực tuyến thanh toán nội bộ và kế toán khách hàng của NHNo (IPCAS). Sau đó Nguyễn Lê Kiều Q1 đã sử dụng bộ hồ sơ này giao cho cán bộ tín dụng là Phạm Thị Bích Th3 tiến hành làm thủ tục giải ngân cho Q1 bằng cách chuyển khoản số tiền 900.000.000đ vào tài khoản số 1900201162923 của Lê Thị N Tr, mở tại Ngân hàng Agribank.

- Xác minh tại nơi cư trú theo thông tin trên hồ sơ tín dụng, kết quả tại địa chỉ 11.06 M1 TTT, Phường 1, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, không có ai tên là Nguyễn Quang Ng, CMND số 191268675 cư ngụ tại đây.

- Ông Tô Huy Th6 chủ căn nhà tại địa chỉ: 18/60E LVL, xã PK, huyện PK, khai: mua nhà vào tháng 7/2013, gia đình ở từ thời điểm đó đến nay. Theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV2013 ngày 27/8/2013, người vay là Nguyễn Quang Ng, có ghi mục đích vay vốn là để mua ngôi nhà của ông tại địa chỉ: 18/60E LVL, xã PK, huyện NB. Ông Th6 khai từ trước đến nay không có ai đến liên hệ, thỏa thuận mua nhà, không biết và không giao dịch gì với Nguyễn Quang Ng, Nguyễn Lê Kiều Q1. Vào khoảng tháng 7/2013, trong quá trình mua căn nhà

nêu trên, do thiếu tiền mua nhà nên thông qua giới thiệu, ông Th6 có vay số tiền 600.000.000đ của Phú Minh H, vay cá nhân, có làm giấy tay. Khi vay tiền ông Th6 có làm giấy ủy quyền để đi làm thủ tục sang tên căn nhà (đăng bộ): 18/60E LVL, xã PK, huyện NB, nhằm để đảm bảo vốn vay. Khoảng 1 tuần sau ông Th6 đã trả đủ cho H và đã hủy giấy vay tiền cùng giấy ủy quyền nói trên. Ngoài ra ông Th6 không có quan hệ, giao dịch gì khác với H.

3. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300527* (số ghi trên hợp đồng giấy: 1900LAV201300138 ngày 29/8/2013), khách hàng Lê Thị N, vay số tiền 01 tỷ đồng, mục đích vay: mua nhà số A 12.1 Chung cư KH, 360C BVĐ, Quận 4, TP.HCM. Hợp đồng này do Nguyễn Lê Kiều Q1 lập khống. Sau đó Q1 đưa cho Đặng Thị Thu H1 - Phó Giám đốc PGD HH, ký tên ở phần cán bộ tín dụng cho đầy đủ hồ sơ. H1 không tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, mà ký tên vào phần cán bộ tín dụng ở hồ sơ nói trên đồng thời nhập dữ liệu lên hệ thống trực tuyến thanh toán nội bộ và kế toán khách hàng của NHNo (IPCAS). Sau đó Nguyễn Lê Kiều Q1 đã sử dụng bộ hồ sơ này giao cho cán bộ tín dụng là Phạm Thị Bích Th3 tiến hành làm thủ tục giải ngân cho Q1 bằng cách chuyển khoản số tiền 1.000.000.000đ vào tài khoản số 1900201162923 của Lê Thị N Tr, mở tại Ngân hàng Agribank.

- Xác minh thông tin CMND khách hàng vay vốn, xác định: CMND số 025757305 tên Lê Thị N, thực chất là CMND của Lê Thị N Tr;

4. *Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201300514*, khách hàng Nguyễn Thị Th7, vay số tiền 800 triệu đồng, mục đích vay: mua nhà số BI5/16 ấp 3A, xã BH, huyện BC, TP.HCM. Hợp đồng này do Nguyễn Lê Kiều Q1 lập khống. Sau đó Q1 đưa cho Đặng Thị Thu H1 - Phó Giám đốc PGD HH, ký tên ở phần cán bộ tín dụng cho đầy đủ hồ sơ. H1 không tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, mà ký tên vào phần cán bộ tín dụng ở 04 hồ sơ nói trên, và nhập dữ liệu lên hệ thống trực tuyến thanh toán nội bộ và kế toán khách hàng của NHNo (IPCAS). Sau đó, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã sử dụng bộ hồ sơ này giao cho cán bộ tín dụng là Phạm Thị Bích Th3 tiến hành làm thủ tục giải ngân cho Q1, bằng cách chuyển khoản số tiền 800.000.000đ vào tài khoản số 1900201162923 của Lê Thị N Tr, mở tại Ngân hàng Agribank.

- Xác minh tại nơi cư trú theo thông tin trên hồ sơ tín dụng, kết quả tại địa chỉ: 11.06 M1 TTT, Phường 1, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, không có ai tên là Nguyễn Thị Th7, CMND số 191504839 cư ngụ tại đây.

- Xác minh tại UBND TP. Huế về tài sản sử dụng để đảm bảo tiền vay thế chấp là lô đất diện tích 544m², địa chỉ tại số 37 NTT, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A103476 do UBND TP. Huế cấp ngày 14/10/1990, được biết địa chỉ này không có thật.

Quá trình điều tra Đặng Thị Thu H1 đã thừa nhận hành vi sai phạm của mình trong việc ký tên khống vào phần cán bộ tín dụng ở 04 hồ sơ nói trên, dẫn đến việc Nguyễn Lê Kiều Q1 sử dụng để giải ngân, chiếm đoạt 3.700.000.000 đồng của ngân hàng. H1 khai: vào ngày 30/8/2013, Nguyễn Lê Kiều Q1 cầm cả 4 bộ hồ sơ tín dụng này giao cho H1 (hồ sơ đã có ký tên đầy đủ phần khách

hàng, giám đốc, chỉ thiếu phần cán bộ tín dụng ký) và nói các hợp đồng tín dụng này Phú Minh H đã lập đầy đủ từ trước, nhưng do lúc đó H đã được điều lên Hội sở chính, cán bộ tín dụng mới là Phạm Thị Bích Th3 đang phải bàn giao hồ sơ trên Hội sở chính MTB không về kịp để ký. Q1 kêu H1 ký tên ở phần cán bộ tín dụng cho đầy đủ hồ sơ để làm thủ tục giải ngân tiền cho người nhà của Q1. H1 đã không tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ mà ký tên vào phần cán bộ tín dụng ở 04 hồ sơ nói trên đồng thời nhập dữ liệu lên hệ thống trực tuyến thanh toán nội bộ và kế toán khách hàng của NHNo (IPCAS) dùm cho Q1, tuy nhiên không làm thủ tục giải ngân được. Sau đó Nguyễn Lê Kiều Q1 đã kêu Th3 về để tiến hành làm thủ tục giải ngân cho Q1. Khi ký H chỉ coi hồ sơ có đầy đủ chữ ký của Giám đốc, khách hàng, và có đầy đủ giấy tờ gồm hợp đồng tín dụng, báo cáo thẩm định, hợp đồng thế chấp, thấy đầy đủ hồ sơ. Do tin tưởng theo lời của Nguyễn Lê Kiều Q1, nghĩ rằng cán bộ tín dụng trước đã làm đầy đủ hồ sơ, thủ tục, quy trình, nên H1 đã ký tên ở phần cán bộ tín dụng trên các hồ sơ nêu trên, ngoài ra không có tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ.

- Phú Minh H khai: Đối với 04 hồ sơ vay vốn, có chữ ký của Đặng Thị Thu H1 ở phần cán bộ tín dụng, Phú Minh H không lập và không biết gì về 04 bộ hồ sơ tín dụng này, vì vào thời điểm trên H chuyển về công tác tại hội sở Chi nhánh Agribank MTB. Theo H nhớ, trong thời gian đó Nguyễn Lê Kiều Q1 có gọi điện thoại cho H nói đang cần vay vốn và hỏi H có bản photo sổ hồng nào thì cho Q1 để làm mục đích vay vốn. Do H có cho vay tiền riêng cá nhân ở bên ngoài thế chấp bằng sổ hồng nên đã photo một số sổ hồng đưa cho Q1. Hòa nhớ có đưa cho Q1 bản photo sổ hồng của 2 căn nhà ở địa chỉ số 56/4 THT, Phường 15, Quận 10, TP. HCM và số 18/60E LVL, xã PK, huyện NB, TP.HCM.

- *Phạm Thị Bích Th3* khai: Từ tháng 6/2013 đến tháng 10/2014, công việc của Th3 là cán bộ tín dụng quản lý hồ sơ cho vay cầm cố sổ tiết kiệm, không được phân công về việc quản lý các hồ sơ tín dụng thế chấp bằng bất động sản, cổ phiếu tại PGD HH. Đối với 04 hồ sơ tín dụng có liên quan đến Nguyễn Lê Kiều Q1, do Đặng Thị Thu H1 ký tên cán bộ tín dụng và Th3 là người giải ngân, Th3 trình bày như sau: vào ngày 30/8/2013, Nguyễn Lê Kiều Q1 và Đặng Thị Thu H1 yêu cầu Th3 thực hiện giải ngân trên hệ thống máy tính đối với 04 hợp đồng tín dụng nói trên, với lý do user hoạt động của Đặng Thị Thu H1 không có chức năng giải ngân. Căn cứ vào hồ sơ tín dụng và chứng từ giao dịch, Th3 đã thực hiện giải ngân trên hệ thống máy tính. Sau khi tiến hành giải ngân, số tiền vay từ 04 hợp đồng này được chuyển vào tài khoản của chị Lê Thị N Tr, là vợ của Nguyễn Lê Kiều Q1. Đồng thời vào thời điểm trước 01/4/2014, Ngân hàng Agribank đang thực hiện giao dịch một cửa, trong đó không có quy định cụ thể về quy trình hoạt động tín dụng, mà chỉ quy định chung là cán bộ tín dụng kiêm luôn chức năng giải ngân. Do tại PGD HH chỉ có Th3 là cán bộ tín dụng nên tất cả các hợp đồng tín dụng đều phải do Th3 tiến hành giải ngân trên hệ thống. Khi Q1 và H1 kêu Th3 thực hiện giải ngân trên hệ thống máy tính đối với 04 hợp đồng tín dụng nói trên, Th3 đã kiểm tra hồ sơ, thấy đã có đầy đủ thủ tục, chữ ký nên đã tiến hành giải ngân.

Đối với tài khoản số 1900201162923, của Lê Thị N Tr, mở tại Ngân hàng Agribank: qua điều tra xác định tài khoản nói trên được sử dụng để thanh toán

tiền mua một số tài sản là bất động sản gồm 02 căn hộ số XI-2609 và số XI-2610, tầng 26 tòa nhà North Tower, số 27 đường NHT, phường TH, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng mua bán căn hộ số X1-2609/HĐMB-2014/NVL-LTNT và X1-2610/HĐMB-2014/NVL-LTNT, cùng ký ngày 31/3/2014. Kết quả điều tra xác minh nhận thấy như sau:

+ Đại diện Công ty Novaland cho biết: Vào đầu năm 2014, Nguyễn Lê Kiều Q1 có đến sàn giao dịch của Công ty Novaland, địa chỉ: Lầu 3 tháp V5 Tòa nhà South Tower, số 23 đường NHT, phường TH, Quận 7, để tìm hiểu và mua bán căn hộ tại dự án Sunrise City tòa nhà North Tower. Quá trình giao dịch, ban đầu Q1 có thỏa thuận và đặt cọc mua 02 căn hộ số X1-2209 và số X1-2610, tòa nhà North Tower, số 27 đường NHT, phường TH, Quận 7. Tuy nhiên sau đó, Q1 đã thay đổi chuyển mua căn hộ X1-2209 sang thành căn hộ số X1-2609. Theo đó, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã 06 lần chuyển tiền mua nhà từ tài khoản số 1900201162923 của Lê Thị N Tr. Sau ngày 15/01/2015, Nguyễn Lê Kiều Q1, Lê Thị N Tr không thanh toán tiếp các khoản đến hạn khác theo hợp đồng mua bán 02 căn hộ nêu trên. Đối với số tiền đã nộp thanh toán mua 02 căn hộ này, sau khi trừ tiền phạt vi phạm hợp đồng, Công ty Novaland đã giữ số tiền còn lại là 964.417.892đ, chờ xử lý của Cơ quan điều tra. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định thu hồi vật chứng, yêu cầu Công ty Novaland chuyển số tiền nói trên vào tài khoản tạm giữ của Phòng CSĐT tội phạm về Kinh tế và Tham nhũng - Công an TP. Hồ Chí Minh.

- Lê Thị N Tr khai: vào đầu năm 2012, Nguyễn Lê Kiều Q1 nói cần chỉ tiêu mở tài khoản tại ngân hàng Agribank, nên mở cho Lê Thị N Tr một tài khoản thẻ ATM tại ngân hàng Agribank. Tr đã đồng ý để Q1 mở tài khoản. Sau đó, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã tự tiến hành mở tài khoản, sau khi xong thì mang thẻ ATM về giao cho Tr. Đối với tài khoản Agribank này, Tr khai từ trước đến nay không sử dụng, không giao dịch do đã có mở và sử dụng tài khoản tại ngân hàng khác. Vào khoảng năm 2012, có một lần Tr đi rút tiền trong tài khoản thẻ Vietcombank, do cầm nhầm thẻ Agribank nói trên nên máy ATM đã tự động nuốt thẻ. Từ đó đến nay, Tr không có tiến hành làm thủ tục cấp lại thẻ nêu trên và hiện không có thẻ ATM của tài khoản tại Ngân hàng Agribank.

Đối với 02 căn hộ số X1-2609 và số X1-2610, do vợ chồng Tr và Nguyễn Lê Kiều Q1 mua theo phương thức trả góp theo tháng, từ ngày 31/03/2014, mục đích mua nhà là để ở. Việc giao dịch, mua bán, thanh toán tiền 02 căn hộ nói trên do Nguyễn Lê Kiều Q1 thực hiện, Tr chỉ có đi theo khi ký kết hợp đồng và có góp vào một ít tiền nhưng không đáng kể (hiện Trân không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu), ngoài ra không biết gì khác.

- Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định thu giữ vật chứng, yêu cầu Công ty Novaland chuyển số tiền 964.417.829đ vào tài khoản tạm giữ của Phòng CSĐT tội phạm về kinh tế và tham nhũng - Công an TP. Hồ Chí Minh, chờ xử lý theo vụ án.

Đối với các hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400592/HĐTD ngày 15/12/2014, của Dương Thanh Ngh, cùng các giao dịch ngân hàng khác có liên quan đến khách hàng Dương Thanh Ngh, Lê Anh T1:

Qua rà soát xác định, từ trước đến nay, Dương Thanh Ngh có thực hiện các giao dịch tại Phòng GD HH như sau:

Ngày 09/9/2014, Dương Thanh Ngh có gửi số tiền 153.000 EUR mở sổ tiết kiệm số: AM0740035; số dư là 153.000 EUR. Cùng ngày, ông Ngh gửi tiếp số tiền 180.000 EUR và mở sổ tiết kiệm số: AM0740036. Ngày 12/11/2014, ông Ngh có gửi số tiền 65.000 EUR và mở sổ tiết kiệm số: AM0741355. Sau khi mở 03 sổ tiết kiệm như trên, khách hàng Dương Thanh Ngh đã có phát sinh các giao dịch sau:

+ Sổ tiết kiệm số seri AM0740035: được thế chấp cho 02 hợp đồng tín dụng vay vốn cá nhân gồm: Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400544/HĐTD ngày 28/10/2014, vay số tiền 3.000.000.000đ; Hợp đồng tín dụng số 1900LAV20140055/HĐTD ngày 31/10/2014, vay số tiền 1.000.000.000đ;

+ Sổ tiết kiệm số seri AM0740036 được thế chấp cho 02 hợp đồng tín dụng vay vốn cá nhân, người vay là Lê Anh T1, (theo giấy ủy quyền ngày 09/9/2014, ủy quyền cho ông Lê Anh T1 sử dụng sổ tiết kiệm AM0740036 của Ngh) gồm: Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400470/HĐTD ngày 10/9/2014, vay số tiền 4.500.000.000đ; Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400503/HĐTD ngày 03/10/2014, vay số tiền 200.000.000đ.

Đến ngày 15/12/2014, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã trực tiếp nộp số tiền 1310 EUR cho thủ quỹ và yêu cầu gộp 03 sổ tiết kiệm nêu trên thành 01 sổ tiết kiệm trị giá 400.000 EUR. Theo chỉ đạo của Q1, Nguyễn Thị Thanh H4, kế toán, đã làm thủ tục trên hệ thống IPCAS thu nợ 04 hợp đồng tín dụng trên, giải chấp 02 sổ tiết kiệm, tắt toán 03 sổ cũ và mở sổ mới. Sau đó H4 in sổ tiết kiệm số seri AM0741713, nội dung: Khách hàng Dương Thanh Ngh, số tài khoản 1900601622906, số dư 400.000 EUR, sau đó giao cho Q1 ngay tại quầy. Q1 tự ký và đóng dấu sổ AM0741713 rồi mang sổ tiết kiệm số seri AM0741713, cùng Giấy gửi tiền 400.000EUR (chưa có chữ ký khách hàng), 03 Chứng từ giao dịch (chưa có chữ ký khách hàng) lên phòng làm việc của Q1.

Sau khi có sổ mới, cùng ngày nhân viên tín dụng (Phú Minh H) đã lập hồ sơ vay vốn của Dương Thanh Ngh, theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400592/HĐTD, nội dung: Dương Thanh Ngh vay 10.400.000.000 đồng lãi suất 6%, kỳ hạn 30 ngày, thế chấp sổ tiết kiệm số seri AM0741713. Sau đó H cầm Hồ sơ vay vốn cùng Giấy lĩnh tiền 10.400.000.000 đồng (có sẵn nội dung và chữ ký khách hàng) giao cho H4 tiến hành hạch toán trên hệ thống IPCAS giải ngân 10.400.000.000 đồng bằng tiền mặt để cân trừ với các bút toán thu nợ cho 04 hợp đồng tín dụng nêu trên, số tiền còn dư lại là 1.569.343.000đ, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã chỉ đạo Nguyễn Thị Thanh H4 chuyển vào tài khoản cá nhân của Q1 số 1900207001090 tại Agribank MTB. Đến ngày 16/12/2014, Q1 đưa ủy nhiệm chi cho Nguyễn Thị Thanh H4 chuyển từ tài khoản của ông Q1 vào tài khoản chứng khoán số MSBS091C686789 của Dương Thanh Ngh tại

Công ty Cổ Phần Chứng khoán MB Chi nhánh Tp.HCM số tiền 1.700.000.000đ. Hiện tại sổ tiết kiệm số seri AM0741713 với số dư là 400.000 EUR, do đang thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400592/HĐTD nên bị phong tỏa, và hiện đang nằm trong kho của ngân hàng.

Ngày 02/02/2015, Dương Thanh Ngh mang sổ tiết kiệm số seri AM0741680 đến Chi nhánh MTB làm thủ tục rút số tiền 400.000EUR. Về sổ tiết kiệm số seri AM0741680, qua kiểm tra, đại diện ngân hàng xác định số tài khoản 1900601622906 ghi trên sổ tiết kiệm này trùng với số tài khoản của sổ tiết kiệm số AM0741713 của ông Dương Thanh Ngh. Còn sổ số AM0741680 là của khách hàng Nguyễn Hoàng L2 do Điểm giao dịch Đại học Mở cấp.

Kết quả điều tra nhận thấy:

- *Lê Anh T1* sinh năm 1978, HKTT: 79/5 GD, TB, TĐ, khai: Ông T1 không có thể chấp sổ tiết kiệm số AM0740036, đứng tên vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400470 ngày 10/09/2014 và Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400503 ngày 03/10/2014. Ông T1 không có quen biết, Dương Thanh Ngh, không biết việc Nghị có ủy quyền cho ông sử dụng sổ tiết kiệm số AM0740036 theo Giấy ủy quyền ngày 09/9/2014. Qua xem xét hồ sơ, ông T1 xác định chữ ký của ông T1 trên các tài liệu ủy quyền sổ tiết kiệm theo Giấy ủy quyền ngày 09/9/2014 nêu trên không phải chữ ký của T1.

- *Dương Thanh Ngh*, khai: Từ trước đến nay, ông Ngh có thực hiện một số giao dịch tại PGD HH như sau:

+ Ông Ngh có mở 03 sổ tiết kiệm sau: sổ tiết kiệm số AL7939482 gửi ngày 25/02/2014 số tiền 323.800.000đ, thời hạn 6 tháng (đến ngày 25/8/2014 đến hạn kết toán); sổ tiết kiệm số AL8585979 gửi ngày 25/4/2014 số tiền 3.200.000đ, thời hạn 12 tháng (đến ngày 25/4/2015 đến hạn kết toán); sổ tiết kiệm số AL8586250 gửi ngày 26/5/2014 số tiền 5.500.000.000đ, thời hạn 6 tháng (đến ngày 26/11/2014 đến hạn kết toán).

+ Ngày 09/9/2014, ông Ngh về Việt Nam và cùng với cha ông là Dương Thanh T, đến PDG HH để kết toán 03 sổ tiết kiệm nói trên, mua EUR và gửi tiết kiệm bằng tiền EUR. Lý do tắt toán các sổ tiết kiệm này là do ông Ngh muốn rút tiền về Pháp để làm ăn, nên phải đổi tiền tiết kiệm VNĐ ra EUR. Tại đây, ông Ngh làm việc tại phòng của Nguyễn Lê Kiều Q1 - Giám đốc.

+ Tại thời điểm đó, chỉ có cuốn sổ tiết kiệm số AL7939482 đến thời hạn kết toán, còn 02 sổ còn lại chưa đến thời hạn. Tuy nhiên qua trao đổi, Nguyễn Lê Kiều Q1 nói với Nghị có thể làm thủ tục để xin lãnh đạo cho tắt toán 02 cuốn sổ còn lại trước thời hạn nhưng vẫn được hưởng lãi suất theo kỳ hạn, với điều kiện là phải mở sổ tiết kiệm mới và để lại sổ tiết kiệm ở ngân hàng trong 03 tháng (theo lời Q1 là để cam kết đảm bảo khách hàng phải gửi tiền tại Ngân hàng trong thời gian ít nhất là 03 tháng). Ông Ngh đã đồng ý làm theo lời Q1. Theo đó, Q1 hướng dẫn Nghị ký các giấy tờ tắt toán sổ cũ, mở sổ tiết kiệm mới. Đồng thời, Q1 yêu cầu Nghị ký tên không một số tờ giấy trắng, nói là dùng để in đơn xin hưởng lãi suất có kỳ hạn. Lý do Nghị ký tên trên các tờ giấy này là vì lúc đó đã cuối giờ giao dịch, Q1 nói thủ tục xin rất rườm rà, không biết được hay

không, nhưng ngày hôm sau Ngh phải bay về Pháp nên không thể lên làm đơn được. Do tin tưởng Q1 là lãnh đạo của ngân hàng nên Ngh đã đồng ý làm theo.

+ Theo đó, Ngh đã làm thủ tục tất toán 03 cuốn sổ tiết kiệm nói trên. Nhân viên PGD HH có liệt kê tiền tất toán của 03 sổ, theo đó số tiền cả gốc lẫn lãi là 9.155.892.300đ, mua được 333.000EUR, hết tổng cộng 9.116.210.000đ, còn dư số tiền 39.682.300đ nộp vào tài khoản cá nhân của Ngh tại Ngân hàng Agribank. Sau đó, Ngh dùng số tiền này mở 02 sổ tiết kiệm với số tiền lần lượt là 180.000EUR và 153.000EUR, thời hạn 03 tháng. Theo yêu cầu của Q1, Ngh đã giao lại cuốn sổ tiết kiệm 180.000EUR giao cho Q1 để gửi lại PGD HH, có làm văn bản cam kết không rút tiền trước thời hạn sổ tiết kiệm. Đến ngày 12/11/2014, Ngh tiếp tục mở 01 sổ tiết kiệm tại PGD HH, gửi số tiền 65.000EUR, kỳ hạn 01 tháng.

+ Khoảng từ ngày 11/12/2014 đến 17/12/2014, Ngh về Việt Nam. Tại thời điểm trên, do 03 sổ tiết kiệm nói trên đều đã đáo hạn nên ngày 13/12/2014, Ngh đã đến PGD HH gặp Nguyễn Lê Kiều Q1, nói muốn gộp 03 sổ tiết kiệm nói trên thành 01 sổ tiết kiệm mới, gửi số tiền 400.000EUR. Sau khi trao đổi, Ngh đã đưa thêm cho Q1 số tiền mặt là 3.000EUR, số tiền này ông Q1 lấy 2.000EUR gộp với 03 sổ tiết kiệm trước để mở 01 sổ tiết kiệm 400.000EUR, còn lại 1000EUR nộp vào tài khoản cá nhân của Ngh. Nguyễn Lê Kiều Q1 đã hẹn tới ngày 15/12/2014 đến lấy sổ.

+ Tuy nhiên, tới ngày 15/12/2014, Ngh gọi điện thoại cho Q1 báo hôm đó bận nên không giao sổ được, hẹn ngày hôm sau. Tới ngày 16/12/2014, Ngh đã đến PGD HH và Quang đã giao cho Ngh sổ tiết kiệm số AM0741680, mở ngày 15/12/2014, gửi số tiền là 400.000EUR.

Ngoài các giao dịch nói trên, Ngh không có tiến hành bất kỳ giao dịch nào khác. Từ trước đến nay, Ngh chưa từng tiến hành vay vốn tại PGD HH cũng như vay tiền của bất kỳ ngân hàng nào tại Việt Nam.

Đối với các hồ sơ vay vốn có liên quan đến Dương Thanh Ngh, Ngh trình bày như sau:

+ Các Hợp đồng tín dụng ngày 17/4/2014, Hợp đồng tín dụng ngày 21/4/2014, Hợp đồng tín dụng ngày 06/5/2014: chữ ký, chữ viết tên ở phần khách hàng không phải chữ viết, chữ ký của Ngh. Vào thời điểm ký kết các hợp đồng, gia hạn hợp đồng, Ngh không có mặt tại Việt Nam. Đồng thời Ngh có giữ các sổ tiết kiệm này nên trong hồ sơ vay vốn không có phiếu nhập kho các sổ tiết kiệm của Ngh.

+ Hợp đồng tín dụng không số ngày 09/9/2014, vay số tiền 3.243.000.000đ: Trên giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, phiếu nhập kho: chữ ký là của Ngh, chữ viết tên phía dưới không phải của Ngh. Các chữ ký là do Ngh ký không trên giấy trắng rồi giao cho Nguyễn Lê Kiều Q1 từ trước.

+ Hợp đồng tín dụng không số ngày 09/9/2014, vay số tiền 5.576.000.000 đ: Trên giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng: chữ ký là của Ngh, chữ viết tên phía dưới không phải của Ngh. Các chữ ký là do Ngh ký không trên giấy trắng rồi giao cho Nguyễn Lê Kiều Q1 từ trước.

+ Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400544 ngày 28/10/2014: Trên giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng: chữ ký là của Ngh. Các chữ ký là do Ngh ký không trên giấy trắng rồi giao cho Nguyễn Lê Kiều Q1 từ trước; Chữ ký trên các tài liệu giấy đề nghị gia hạn, phụ lục hợp đồng không phải của Ngh; Vào thời điểm ký kết hợp đồng này, Ngh không có mặt tại Việt Nam.

+ Hợp đồng tín dụng số 1900LAY201400551 ngày 31/10/2014: Trên giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ: chữ ký là của Ngh. Các chữ ký là do Ngh ký không trên giấy trắng rồi giao cho Nguyễn Lê Kiều Q1 từ trước; Chữ ký trên các tài liệu giấy đề nghị gia hạn, phụ lục hợp đồng không phải của Ngh; vào thời điểm gia hạn hợp đồng này, Ngh không có mặt ở Việt Nam.

+ Hợp đồng tín dụng số 1900LAV201400592 ngày 15/12/2014: chữ ký trên giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, phiếu nhập kho là của Ngh. Các chữ ký là do Ngh ký không trên giấy trắng rồi giao cho Nguyễn Lê Kiều Q1 từ trước.

+ Ngh không có làm giấy ủy quyền ngày 09/9/2014, ủy quyền cho ông Lê Anh T1 sử dụng sổ tiết kiệm AM0740036 của Ngh. Ngh không biết ông Lê Anh T1 là ai và không có quan hệ, làm ăn gì với ông T1. Chữ ký trên Giấy ủy quyền nói trên là của Ngh, do Ngh ký không trên giấy trắng rồi giao cho Nguyễn Lê Kiều Q1 từ trước.

Nghị khai không có mở tài khoản giao dịch chứng khoán số 091C686789 tại Công ty CP Chứng khoán Maritime Bank. Nghị không có giao dịch, sử dụng gì đối với tài khoản này.

- Về sổ tiết kiệm AM0741680, khách hàng Nguyễn Hoàng L2, cấp tại Điểm giao dịch Đại học Mở:

+ Bùi Thị Thanh Th4 - nhân viên Điểm giao dịch (viết tắt là ĐGD) Đại học Mở - thuộc PGD HH, khai: Vào thời điểm tháng 12/2014, PGD Đại Học Mở mới sáp nhập vào PGD HH, không có kiểm soát viên tại chỗ, mọi giao dịch phát sinh tại điểm giao dịch đều theo chỉ đạo, kiểm soát từ xa của Giám Đốc và Phó Giám đốc PGD HH (Fax chứng từ về PGD HH để kiểm soát). Theo đó, việc mở sổ tiết kiệm được thực hiện như sau: PGD HH cấp trước phôi sổ tiết kiệm (chưa có nội dung, đã ký tên và đóng dấu trên phôi trắng). Khi khách hàng mở sổ tiết kiệm, sau khi được PDG HH duyệt chứng từ xong thì giao dịch viên sẽ in nội dung vào phôi.

Vào ngày 09/12/2014, có khách hàng hẹn mở sổ tiết kiệm nên Th4 đã gọi điện yêu cầu PGD HH xuất trên hệ thống bốn phôi sổ tiết kiệm có số seri lần lượt là AM0741679, AM0741680, AM0741681 và AM0741682. Nhưng do khách hàng không tới như đã hẹn nên PGD HH chưa giao bốn phôi như trên cho ĐGD Đại Học Mở. Tới ngày 10/12/2014, Nguyễn Lê Kiều Q1 cầm bốn phôi sổ tiết kiệm có số seri lần lượt là AM0741679, AM0741680, AM0741681 và AM0741682, đã có sẵn chữ ký của Đặng Thị Thu H1, đóng dấu PGD HH, qua điểm giao dịch Đại Học Mở. Ngày hôm đó, Q1 có ở lại điểm giao dịch theo dõi và điều hành kiểm soát giao. Lúc đó, Q1 hỏi Th4 có in được sổ ở PGD HH khi

mà mở sổ tiết kiệm tại điểm giao dịch (do trước đây PGD HH không có điểm giao dịch nào nên Q1 không rõ thủ tục). Th4 trả lời là được thì Q1 kêu Th4 mở hai sổ tiết kiệm để Q1 về kêu nhân viên ở PGD HH in thử, nếu in được thì từ nay sẽ thực hiện theo cách này để cho kịp thời giao cho khách hàng, tránh chậm trễ. Một lúc sau Nguyễn Lê Kiều Q1 đưa cho Th4 2.000.000đ, mã số khách hàng và hai tờ giấy gửi tiền đã có ký tên Nguyễn Hoàng L2 ở phần người nộp tiền và nói là người nhà của Q1 và yêu cầu Th4 mở 02 sổ tiết kiệm cho khách hàng Nguyễn Hoàng L2, số dư là 1.000.000 đồng mỗi sổ, kỳ hạn 3 tháng. Theo chỉ đạo của Q1, Th4 đã tiến hành mở 02 sổ tiết kiệm lần lượt có số seri AM0741679 và AM0741680, mang tên Nguyễn Hoàng L2, mỗi sổ gửi số tiền 1.000.000đ với lãi suất 5%, kỳ hạn ba tháng, ngày 10/12/2014. Khi mở sổ tiết kiệm, Th4 có kiểm tra thông tin trên hệ thống IPCAS thì biết khách hàng Nguyễn Hoàng L2 có dữ liệu trên hệ thống IPCAS từ lâu và đã từng giao dịch với PGD HH.

Sau khi mở xong 02 sổ tiết kiệm trên hệ thống, Nguyễn Lê Kiều Q1 yêu cầu Th4 đưa hai phôi sổ vừa mới mở là AM0741679 và AM0741680 để Q1 mang về PGD HH in và giao cho ông Nguyễn Hoàng L2. Vì vậy Th4 đã giao 02 phôi sổ tiết kiệm nêu trên cho Q1.

Việc Nguyễn Lê Kiều Q1 sử dụng hai sổ tiết kiệm AM0741679 và AM0741680 như thế nào thì Th4 hoàn toàn không biết. Cho đến khi ông Dương Thanh Ngh đến Chi nhánh MTB yêu cầu rút số tiền 400.000EUR theo sổ tiết kiệm số seri AM0741680 thì Th4 mới biết sổ tiết kiệm số AM0741680 không in nội dung theo hệ thống mà in thông tin khách hàng là Dương Thanh Ngh, số tiền là 400.000EUR.

Lý do làm như trên là vì Q1 nói để kiểm tra xem có thể in sổ tiết kiệm ở PGD HH khi nhân viên tại ĐGD Đại học Mở nhập thông tin khách hàng trên hệ thống hay không. Đồng thời Th4 có kiểm tra, đối chiếu trên hệ thống, thấy khách hàng Nguyễn Hoàng L2 có dữ liệu trên hệ thống IPCAS từ lâu và đã từng giao dịch với PGD HH nên Th4 đã tin tưởng và mở 02 sổ tiết kiệm như trên.

+ Về khách hàng Nguyễn Hoàng L2: Qua xác minh tàng thư căn cước, xác định CMND số: 191521761 tên Nguyễn Hoàng L2, thực chất là CMND của Lê Nguyễn Hoàng L2 (em ruột của Lê Thị N Tr). Tên Nguyễn Hoàng L2 đã được Nguyễn Lê Kiều Q1 sử dụng để lập không hồ sơ tín dụng số 1900LAV201201339 (sổ ghi trên hợp đồng tín dụng giấy là 1900LAV201200494 ngày 21/9/2012), vay số tiền 1.500.000.000đ, như đã nêu trên.

- *Tiến hành xác minh tại Công ty CP Chứng khoán Maritime Bank*, được biết: Việc mở, giao dịch tài khoản chứng toán tại MSBS, được thực hiện theo quy định tại Quy trình mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại MSBS (ban hành kèm theo Quyết định số 31/2013/QĐ-TGD ngày 08/02/2013). Sau khi kích hoạt tài khoản, hệ thống sẽ tự động gửi SMS, email cho khách hàng thông báo về việc kích hoạt tài khoản và mật khẩu giao dịch. Toàn bộ việc sử dụng tài khoản, giao dịch, nộp, chuyển tiền sau đó do khách hàng tự thực hiện trên hệ thống. Chỉ khi có nhu cầu thì khách hàng sẽ liên hệ với nhân viên chăm sóc khách hàng để nhờ tư vấn, đặt lệnh, nhập lệnh giao dịch.

Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr và Nguyễn Tường V1, nhân viên Công ty CP Chứng khoán Maritime Bank, khai: Đối với tài khoản chứng khoán số 091C687879 của Nguyễn Lê Kiều Q1 mở ngày 12/11/2013: Nguyễn Lê Kiều Q1 có trực tiếp đến MSBS để mở tài khoản chứng khoán vào ngày 12/11/2013. Nguyễn Tường V1 được phân công phụ trách chăm sóc khách hàng này. Theo đó, V1 đã cùng với Q1 làm hồ sơ mở tài khoản. Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, V1 mang lên giao cho nhân viên nghiệp vụ là Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr để kích hoạt tài khoản chứng khoán cho Q1.

Đối với tài khoản chứng khoán số 091C686789 của Dương Thanh Ngh mở ngày 21/4/2014: Vào khoảng giữa tháng 04/2014, Q1 có gọi điện thoại cho V1 nói là muốn mở tài khoản chứng khoán cho người bạn và kêu V1 gửi cho Quang bộ hồ sơ mở tài khoản. Theo đó, Quang đã gửi cho V1 thông tin cá nhân, chứng minh nhân dân của Dương Thanh Ngh, và chọn số tài khoản 091C686789. Theo đó, V1 đã gửi chuyển phát nhanh cho Q1 bộ hồ sơ mở tài khoản. Đến sáng ngày 21/4/2014, Q1 đến MSBS gặp V1 để tiến hành mở tài khoản. Sau đó, Q1 đưa cho V1 hồ sơ mở tài khoản đã điền đầy đủ thông tin, chữ ký để V1 mở tài khoản. V1 đã nhận hồ sơ, kiểm tra có đầy đủ thông tin nên đã giao cho Tr để kích hoạt tài khoản trên hệ thống cho ông Ngh.

Từ khi mở 02 tài khoản chứng khoán nêu trên tới nay, toàn bộ việc giao dịch 02 tài khoản chứng khoán của Nguyễn Lê Kiều Q1, Dương Thanh Ngh đều do Q1 thực hiện. Q1 có nói với V1 là tài khoản của Dương Thanh Ngh do Q1 sử dụng, khi có thông tin liên quan đến tài khoản này thì báo cho Q1. Quá trình giao dịch như trên, V1 chỉ có liên hệ, làm việc, thực hiện công tác chăm sóc khách hàng đối với Q1. Dương Thanh Ngh không hề tiến hành bất kỳ giao dịch gì và cũng không có liên lạc gì với V1.

- Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập hồ sơ bản chính các hồ sơ mở tài khoản, hồ sơ vay vốn ngân hàng cũng như chữ viết, chữ ký của những người đứng tên hồ sơ vay vốn và ra Quyết định Trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đối với các tài liệu nêu trên, kết quả giám định tới nay xác định như sau:

+ Chữ viết họ tên Lê Anh T1 dưới mục “Khách hàng”, “Người vay”, “Đại diện bên B”, “Người được ủy quyền” có trên các giấy lĩnh tiền vay ngày 10/9/2014, ngày 03/10/2014; Giấy đề nghị vay vốn ngày 10/9/2014; Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, ngày 10/9/2014; Phiếu nhập kho, ngày 10/9/2014; Giấy ủy quyền ngày 09/9/2014; Giấy đề nghị vay vốn ngày 03/10/2014; Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, ngày 03/10/2014; Giấy ủy quyền ngày 09/09/2014; Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán ngày 12/11/2013; Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ ngày 12/11/2013; Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ tiện ích giao dịch chứng khoán, ngày 12/11/2013 là chữ viết của Nguyễn Lê Kiều Q1

+ Chữ viết họ tên “Dương Thanh Ngh” trên các tài liệu cần giám định Giấy gửi tiền ngày 22/11/2013; Giấy gửi tiền ngày 25/11/2013; Giấy gửi tiền ngày 02/12/2013; ủy nhiệm chi ngày 25/02/2014; Giấy lĩnh tiền ngày 21/4/2014; ủy nhiệm chi ngày 21/4/2014; Giấy lĩnh tiền vay ngày 21/4/2014; ủy nhiệm chi ngày 06/5/2014; Giấy đề nghị vay vốn ngày 06/5/2014; Hợp đồng tín dụng kèm

hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá ngày 06/5/2014; Giấy đề nghị vay vốn ngày 16/4/2014; Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá ngày 17/4/2014; Giấy đề nghị vay vốn ngày 16/4/2014; Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá ngày 21/4/2014; Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán ngày 21/4/2014; Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ ngày 22/4/2014; Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán ngày 23/4/2014, không phải chữ viết của “Dương Thanh Ngh”;

+ Chữ viết họ tên “Lê Anh T1” trên các tài liệu cần giám định Giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, nợ lãi ngày 09/12/2014 không phải chữ của Lê Anh T1.

+ Chữ ký của Dương Thanh Ngh trên các hồ sơ mở tài khoản chứng khoán tại Ngân hàng Maritime Bank không phải chữ ký của Dương Thanh Ngh.

Với nội dung nêu trên nhận thấy: Nguyễn Lê Kiều Q1 đã tiến hành làm giả tài khoản chứng khoán của Dương Thanh Ngh; làm 02 sổ tiết kiệm của khách hàng Dương Thanh Ngh với số dư 400.000EUR. Trong đó sổ tiết kiệm giả số AM0741680, thực chất mang tên Nguyễn Hoàng L2 với số dư 1.000.000đ, được Quang giao cho Dương Thanh Ngh. Còn sổ tiết kiệm thật AM0741713 (số dư 400.000EUR), được Q1 sử dụng để lập khống các hồ sơ tín dụng số 900LAV201400592 ngày 15/12/2014, số tiền vay là 10.400.000.000đ, dùng để cân trừ thu nợ cho 04 hợp đồng tín dụng do Q1 lập khống trước đó, số tiền còn dư lại là 1.569.343.000đ chuyển vào tài khoản chứng khoán giả của Dương Thanh Ngh tại Công ty CP chứng khoán Maritime Bank Chi nhánh TP.HCM do Q1 lập để chiếm đoạt cho cá nhân.

Tại bản án số 41/2017/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phú Minh H phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Thu H1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phú Minh H** 15 (mười lăm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 165; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phú Minh H** 07 (bảy) năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự:

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Phú Minh H** phải chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/1/2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thị Thu H1** Cảnh cáo.

Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Phú Minh H phải bồi thường 8.350.000.000 đồng (tám tỷ ba trăm năm mươi triệu) cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh MTB, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là chi nhánh trung tâm SG).

Trả cho cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh MTB, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là chi nhánh trung tâm SG) 964.417.829 đồng (chín trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm mười bảy ngàn tám trăm hai mươi chín đồng). Vật chứng được tạm giữ theo quyết định số 121-17 ngày 20/4/2016 và được gửi vào tài khoản số 39499058778 của phòng cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc công ty Novaland phải trả cho Agribank chi nhánh trung tâm SG số tiền 1.189.495.212 (Một tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm mười hai) đồng.

Buộc Công ty chứng khoán Maritime Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phải trả cho Agribank chi nhánh trung tâm SG số tiền 34.140.410 (Ba mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ngàn bốn trăm mười) đồng.

Tách vấn đề yêu cầu của ông Dương Thanh Ngh với Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm SG thành vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 22/02/2017, ông Dương Thanh T là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Dương Thanh Ngh có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần quyết định “*Tách vấn đề yêu cầu của ông Dương Thanh Ngh với ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm SG thành vụ kiện dân sự khác*”; buộc Ngân hàng Agribank - Chi nhánh MTB phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc 400.000EUR và lãi suất đã gửi cùng với số tiền 14.000 EUR của sổ tiết kiệm AM 074002 mở ngày 9/9/2014.

Ngày 13/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị yêu cầu không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và xử tăng hình phạt đối với bị cáo Phú Minh H; Không áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với bị cáo Đặng Thị Thu H1, áp dụng khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H1 về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng” và áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Phú Minh H, Đặng Thị Thu H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm xử là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dương Thanh Ngh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc Ngân hàng Agribank - Chi nhánh MTB phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc 400.000EUR và lãi suất đã gửi cùng với số tiền 14.000 EUR của sổ tiết kiệm AM 074002 mở ngày 09/9/2014 cho ông vì các lý do sau: Ông chỉ ký khống vào 03 tờ giấy trắng đề ngân hàng làm thủ tục cho ông hưởng lãi suất gửi tiết kiệm đối với số tiền của các sổ tiết kiệm được nhập lại thành cuốn sổ 400.000 EUR chứ ông không có ký các hợp đồng tín dụng để vay tiền của ngân hàng cũng như ký nhận vào các giấy đề nghị vay vốn, giấy nhận nợ... Theo kết luận điều tra và bản cáo trạng thể hiện các bị cáo chiếm đoạt số tiền hơn 22 tỷ đồng trong đó có số tiền hơn 10 tỷ đồng của ông; ông không có nhu cầu, mục đích vay tiền của ngân hàng để chi xài cho sinh hoạt cá nhân; các hợp đồng tín dụng ngân hàng đưa ra có rất nhiều sai sót đặc biệt là thời gian ký kết hợp đồng, thời gian giải ngân, mục đích vay cũng như hợp đồng không được công chứng, hợp đồng tín dụng không đưa vào của ông vào mục bên vay. Ngoài ra, bản gốc sổ tiết kiệm ông đang nắm giữ nên không thể nào có việc ông dùng sổ tiết kiệm để thế chấp cho ngân hàng được. Ông không lấy của ngân hàng một khoản tiền nào nhưng buộc ông trả cho ngân hàng là không đúng. Ông đề nghị ngân hàng phải có trách nhiệm trả tiền cho ông theo sổ tiết kiệm ông đã gửi ở ngân hàng.

- Đại diện Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm SG đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Đối với bị cáo Phú Minh H: Khi được phân công làm nhiệm vụ áp tải tiền bị cáo đã làm sai quy chế của ngân hàng, không trực tiếp áp tải, tạo điều kiện để Nguyễn Lê Kiều Q1 chiếm đoạt số tiền 17 tỷ đồng của ngân hàng. Ngoài ra trong quá trình làm nhân viên tín dụng bị cáo còn giúp sức cho cho Nguyễn Lê Kiều Qu1 lập khống 09 hồ sơ tín dụng, chiếm đoạt của ngân hàng 8.350.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, làm cho ngân hàng thiệt hại số tiền đặc biệt lớn. Cấp sơ thẩm xử bị cáo tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 278 và tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước” là có căn cứ, đúng pháp luật. Ở cấp sơ thẩm bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo” theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 để xử bị cáo mức án của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là không đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết mới là bị cáo đã khắc phục 50.000.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận cho bị cáo. Tuy nhiên, số tiền khắc phục quá nhỏ so với thiệt hại xảy ra là quá lớn nên cũng không có đủ cơ sở để áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi do bị cáo gây ra. Đề nghị không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phú Minh H và tăng hình phạt lên 20 năm tù về tội tham ô tài sản và tăng từ 10 đến 12 năm tù về tội “Cố ý làm trái ..” đối với bị cáo. Tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

+ Đối với Đặng Thị Thu H1: Vị kiểm sát viên tại phiên tòa rút lại một phần kháng nghị về tội danh “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” của bị cáo Đặng Thị Thu H1, thống nhất với Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Đặng Thị Thu H1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Giữ nguyên kháng nghị về phần hình phạt đối với bị cáo. Viện kiểm sát cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo đã nộp số tiền 964 triệu đồng để khắc phục hậu quả; sau khi bị cách chức phó giám đốc chi nhánh ngân hàng bị cáo được chuyển sang làm nhân viên tín dụng, quá trình làm việc bị cáo chấp hành tốt, không vi phạm gì; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo là lao động chính của gia đình. Nên có căn cứ để áp dụng Điều 47 xử bị cáo ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên theo khoản 1 Điều 285 có hình phạt cải tạo không giam giữ từ 01 đến 03 năm hoặc từ 06 tháng đến 05 năm; không có hình phạt cảnh cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt cảnh cáo là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị về hình phạt đối với bị cáo H1; không áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với bị cáo H1; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị Thu H1 từ 2 đến 3 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Dương Thanh Ngh: Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu của ông Dương Thanh Ngh với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm SG thành vụ kiện dân sự khác là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ngh cho rằng ông chỉ ký khống vào 03 tài liệu, nhưng kết luận điều tra thì ông Ngh ký vào 17 tài liệu. Tất cả các hồ sơ vay của ông Ngh đều do ông Nguyễn Lê Kiều Q1 làm giả, để chiếm đoạt tiền của ông Ngh. Như vậy vấn đề ông có ký vào các hợp đồng tín dụng hay không phải có ông Q1 thì mới làm rõ. Và phải xác định ông Q1 là người trả lại số tiền cho ông Ngh hay là ngân hàng. Để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự nên Tòa án cấp sơ thẩm tách quan hệ giao dịch của ông Ngh với ngân hàng để khởi kiện thành một vụ án khác là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Dương Thanh Ngh; giữ nguyên quyết định phần này của bản án sơ thẩm

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Phú Minh H trình bày: Thống nhất với tội danh và mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Luật sư không đồng ý với quan điểm mà Viện kiểm sát cấp cao đã kết luận đối với bị cáo H. Vì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định hình phạt trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã đề nghị. Bị cáo H có nhân thân tốt, bị cáo không có vụ lợi để chiếm đoạt tiền, bị cáo bị lệ thuộc vào Nguyễn Lê Kiều Q1. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo có tác động gia đình nộp tiền khắc phục số tiền 50 triệu đồng. Số tiền này mặc dù là nhỏ so với thiệt hại tuy nhiên vẫn thuộc vào tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phú Minh H.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Thu H1 trình bày: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Luật sư cho rằng bị cáo có rất nhiều tình

tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội trong điều kiện khó khăn, bị cáo bị ràng buộc bởi yêu cầu của cấp trên; bị cáo thực hiện hành vi một phần vì nể nang, bị cáo không có động cơ mục đích phạm tội. Hiện nay số tiền thiệt hại của ngân hàng 3,7 tỷ đồng thì ngân hàng đã thu lại hơn 2 tỷ đồng trong đó bị cáo nộp số tiền 964 triệu đồng và công ty Novaland nộp lại số tiền hơn 1 tỷ đồng; đề nghị xử bị cáo H1 theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự; đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận cho bị cáo. Ngoài ra gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ, cha mẹ của bị cáo H1 đều tham gia cách mạng; bản thân bị cáo H1 hơn 20 năm làm việc trong ngân hàng bị cáo luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng huân chương vì sự nghiệp của ngành ngân hàng; bản thân bị cáo hiện nay phải nuôi các con nhỏ, chồng bị cáo bị bệnh; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo H1 cải tạo không giam giữ.

- Tại phiên tòa ngày 20/12/2017, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Ngân hàng xác nhận ông Ngh có gửi số tiền 400.000 EUR là có thật. Tại phiên tòa ông Ngh cho rằng ông chỉ ký vào 03 tờ giấy trắng, ông không ký vào các hợp đồng tín dụng và các tài liệu khác. Tuy nhiên theo hồ sơ lưu trữ tại ngân hàng thì ông Ngh có ký vào các hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn và các giấy tờ khác. Theo kết luận điều tra thì ông Ngh ký tổng cộng 17 tài liệu chứ không phải 03 tài liệu như ông nói. Theo hồ sơ thể hiện ông Ngh thừa nhận có ký tên vào các tài liệu để làm thủ tục tất toán 03 sổ tiết kiệm và đặc biệt là giấy lĩnh tiền cũng chính do ông Ngh ký. Thực tế, từ năm 2012 đến cuối năm 2014 ông đã ký với ngân hàng rất nhiều hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã xác định giao dịch giữa ông Dương Thanh Ngh với ngân hàng là giao dịch vay vốn cầm cố sổ tiết kiệm 400.000 EUR. Mặt khác, cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết tranh chấp giữa ngân hàng với ông Ngh nếu cấp phúc thẩm giải quyết sẽ ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của các đương sự. Ngoài ra, đối với số tiền của ông Ngh yêu cầu xử lý không liên quan đến hành vi của các bị cáo H và bị cáo H1 trong vụ án hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết thành vụ kiện khác là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Ngh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, ý kiến của các luật sư; xét thấy:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh Ngh là nộp trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phú Minh H và bị cáo Đặng Thị Thu H1 khai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung vụ án nêu trên.

[3] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thẩm tra và nhận định hành vi của các bị cáo; có cơ sở xác định:

[3.1] Bị cáo Phú Minh H là nhân viên của Phòng giao dịch HH; với chức trách, nhiệm vụ được giao bị cáo đã thực hiện không đúng quy trình áp tải tiền từ chi nhánh MTB về Phòng giao dịch HH. Bị cáo Phú Minh H đã tự ý để Nguyễn Lê Kiều Q1 (là Giám đốc Phòng giao dịch HH) tham gia áp tải tiền, sử dụng túi đựng tiền cá nhân mà không dùng túi chuyên dụng của ngân hàng trong quá trình áp tải; chỉ đạo xe áp tải tiền đi sai tuyến; đặc biệt là bị cáo không trực tiếp đi áp tải tiền theo đúng chức trách và nhiệm vụ được giao. Chính hành vi của bị cáo Minh H đã giúp cho Nguyễn Lê Kiều Q1 chiếm đoạt số tiền 17 tỷ đồng của ngân hàng trong quá trình áp tải tiền. Ngoài ra, trong quá trình làm nhân viên tín dụng tại phòng giao dịch HH, bị cáo Minh H đã giúp Nguyễn Lê Kiều Q1 lập khống các hồ sơ tín dụng và sử dụng các hồ sơ tín dụng này để chiếm đoạt số tiền 8.350.000 đồng của ngân hàng.

[3.3] Đối với bị cáo Đặng Thị Thu H1 là Phó giám đốc Phòng giao dịch HH khi Nguyễn Lê Kiều Q1 đưa 04 hồ sơ hợp đồng tín dụng vay số tiền 3.700.000.000 đồng để bị cáo H1 ký cho đầy đủ thủ tục, hồ sơ vay vốn thì bị cáo H1 đã không tiến hành kiểm tra, thẩm định mà bị cáo H1 đã ký tên vào phần cán bộ tín dụng của 04 hồ sơ này. Sau đó, Nguyễn Lê Kiều Q1 đã sử dụng các hợp đồng này để giải ngân, chiếm đoạt số tiền 3.700.000.000 đồng của ngân hàng.

[3.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phú Minh H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 278 và tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 165 và bị cáo Đặng Thị Thu H1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Việc áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phú Minh H: Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đặc biệt nghiêm trọng, từ khi vụ án được khởi tố cho đến khi đưa ra xét xử sơ thẩm bị cáo chưa khắc phục hậu quả. Bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là không đúng quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Phú Minh H có bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Mặt khác, trong vụ án này bị cáo H chỉ là người giữ vai trò giúp sức cho Q1, bị cáo phạm tội nhưng không có hưởng lợi gì; bị cáo H có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự. Đối chiếu theo quy định của pháp luật thì bị cáo Phú Minh H có từ 2 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo Phú Minh H là có căn cứ. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Thị Thu H1: Lẽ ra khi Nguyễn Lê Kiều Q1 đưa 04 hồ sơ tín dụng cho bị cáo ký thì bị cáo phải kiểm tra, thẩm định nhưng do tin tưởng, nể nang Nguyễn Lê Kiều Q1 là cấp trên trực tiếp mà bị cáo đã ký tên vào phần cán bộ tín dụng của ngân hàng. Mặt khác, khi bị cáo ký vào phần cán bộ tín dụng thì các hồ sơ tín dụng này đã có đầy đủ chữ ký của khách hàng, tài sản thế chấp, chữ ký của giám đốc. Hành vi của bị cáo là chủ quan, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, thẩm định. Do đó, Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm phía ngân hàng thừa nhận số tiền thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra là 3,7 tỷ đồng thì ngân hàng đã thu hồi hơn 2 tỷ đồng, trong đó bị cáo nộp lại số tiền 964 triệu đồng, Công ty Novaland trả lại cho ngân hàng số tiền hơn 1 tỷ đồng; xét đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xem xét ghi nhận cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác như sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo có công với cách mạng; trong quá trình công tác tại ngân hàng bị cáo được tặng thưởng huân chương vì sự nghiệp của ngành ngân hàng; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Từ những tình tiết trên cho thấy đủ cơ sở để áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử bị cáo theo mức án của khung phạt phạt liền kề nhẹ hơn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Đặng Thị Thu H1 hình phạt cảnh cáo với tội danh “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” nêu trên là không đúng với quy định của pháp luật. Vì theo quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự có mức án cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự không quy định hình phạt cảnh cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạt cảnh cáo là không có căn cứ. Do đó, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 xử bị cáo ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn hình phạt ở khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án từ 2 đến 3 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dương Thanh Ngh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Ông Dương Thanh Ngh gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng Agribank phòng giao dịch HH, thuộc Chi nhánh MTB (nay là Chi nhánh trung tâm SG) sau khi nhập sổ thì ông có sổ tiết kiệm số tiền là 400.000 EUR. Quá trình điều tra phía ngân hàng đều xác nhận là số tiền 400.000 EUR ông Ngh gửi tại ngân hàng là có thật. Tuy nhiên theo hồ sơ vụ án thể hiện ông Ngh có vay tiền của ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng và dùng sổ tiết kiệm trên để thế chấp cho ngân hàng. Quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án ông Ngh cho rằng chữ ký và chữ viết trên hợp đồng tín dụng không phải của ông; ông chỉ ký khống vào một số tờ giấy trắng đưa cho Nguyễn Lê Kiều Q1 và rằng việc ký khống này nhằm làm thuận lợi trong giao dịch gửi tiền ngân hàng trong lúc ông bận việc ở nước

ngoài không về Việt Nam được. Theo tài liệu giám định của cơ quan giám định trên các tài liệu trong hồ sơ tín dụng như giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán... Chỉ kết luận là “Không phải chữ viết của Dương Thanh Ngh” mà không kết luận chữ ký của các tài liệu này. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các hợp đồng tín dụng giữa ông Ngh với ngân hàng còn nhiều vấn đề nêu trên chưa được làm rõ, đặc biệt Nguyễn Lê Kiều Q1 đang bị truy nã chưa bắt được, chưa có cơ sở để kết luận các hợp đồng tín dụng được đứng tên ông Dương Thanh Ngh là do ông Ngh ký tên vay tiền hay không. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tách quan hệ giao dịch giữa ông Dương Thanh Ngh với Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Trung tâm SG thành vụ án khác.

[5.2] Tuy nhiên đối với phần nhận định Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng *“Giao dịch giữa ông Dương Thanh Ngh với phía ngân hàng còn nhiều vấn đề chưa làm rõ, đặc biệt Nguyễn Lê Kiều Q1 đang bị truy nã chưa bắt được, do đó chưa có cơ sở để kết luận các hợp đồng tín dụng được đứng tên ông Dương Thanh Ngh”*. Nhận định như trên đồng nghĩa với việc xác định ông Nguyễn Lê Kiều Q1 là người liên quan đến tranh chấp giữa ông Dương Thanh Ngh với ngân hàng khi ông Ngh khởi kiện thành vụ án khác, trong khi ông Nguyễn Lê Kiều Q1 đã bỏ trốn và đang bị truy nã, chưa biết đến khi nào mới bắt được ông Q1. Mặt khác, bản thân ông Ngh thực hiện giao dịch với pháp nhân là ngân hàng chứ ông Ngh không có thực hiện giao dịch với cá nhân của ông Nguyễn Lê Kiều Q1. Trường hợp các bị cáo gây ra thiệt hại cho ngân hàng thì buộc các bị cáo phải khắc phục hậu quả cho ngân hàng còn ông Ngh chỉ là khách hàng, là người sử dụng dịch vụ của ngân hàng; việc ngân hàng quản lý lỏng lẻo để tạo điều kiện để các bị cáo chiếm đoạt tiền của ngân hàng là trách nhiệm của ngân hàng chứ không phải của ông Dương Thanh Ngh. Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, vi phạm, lợi dụng trên tài khoản của khách hàng do lỗi của ngân hàng trong quá trình quản lý. Mặt khác, Nếu xác định ông Q1 là người liên quan đến tranh chấp giữa ông Ngh với ngân hàng sẽ gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án khi các bên khởi kiện thành vụ án khác và ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của người sử dụng dịch vụ của ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngh cho rằng ông vẫn đang giữ bản chính của sổ tiết kiệm 400.000 EUR. Do đó, chỉ cần xác định ông Ngh không có thể chấp sổ tiết kiệm cho ngân hàng thì ngân hàng phải giải quyết trả lại tiền đã gửi theo sổ tiết kiệm cho ông khi ông có yêu cầu.

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã tách quan hệ giao dịch giữa ông Ngh với ngân hàng thành vụ án khác nên cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông trong vụ án này. Nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngh.

[6] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thanh Ngh là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Dương Thanh Ngh phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thanh Ngh.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 10/02/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên bố bị cáo Phú Minh H phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Thu H1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

1/ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phú Minh H** 15 (mười lăm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”;

Áp dụng khoản 3 Điều 165; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phú Minh H** 07 (bảy) năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Phú Minh H** phải chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2015.

2/ Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thị Thu H1** 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Đặng Thị Thu H1 cho Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Đặng Thị Thu H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3/ Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tách vấn đề yêu cầu của ông Dương Thanh Ngh với Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm SG thành vụ kiện dân sự khác.

4/ Án phí phúc thẩm: Ông Dương Thanh Ngh phải chịu 200.000đồng.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam CA TP. HCM “để tổng đạt cho bị cáo” (2)
- BCTN (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VP (3), HS (2), 18b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười